

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ

Công bình – Bác ái – Từ bi

Tuần lễ tìm về Minh-triết và Hội-ngộ Tình thương

Những bài GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

SỐ 3

Thiên-Lý Bửu-Tòa

12695 Sycamore Ave, San Martin, CA 95046 - USA

Ấn hành tháng 07-2004

Trong số này: Trang

**“Tuần lễ Tìm về Minh-triết và Hội-ngộ Tình thương”
nhân Rằm Trung nguyên (Vu Lan):**

Thư mời tham dự	1
Thời khóa biểu	4
Phiếu ghi danh tham dự (giấy màu, để ở giữa tập sách)	
Đức Phật dạy con (Huệ Ý)	6
Tiên tri về Đạo Cao-Đài	14
Phương thuốc trị bệnh Chai Gan	21
(Hoa-Đà Tiên-Ông)	
Truyện Đạo: Vua A Dục trở về với Phật pháp	23
Tiếng nói tri âm (Lê Anh Dũng)	28
Thánh giáo: Kết quả của sự bố thí	Bìa trong

Thiên-Đạo mở ngàn đời có một,
Đừng bỏ trôi hẹn một hẹn mai,
Vô-thường không có hẹn ngày,
Ngựa qua cửa sổ Diêu-đài hết trông!

(**Văn-Tuyên Khổng-Thánh**, TLBT, 22-7-1977)

Thư từ, bài vở, yểm trợ tài chánh xin gửi về:

THIÊN-LÝ BỬU-TÒA

12695 Sycamore Ave

San Martin, CA 95046. USA

Tel: (408) 683-0674

(Chi phiếu xin đề: **Thiên-Lý Bửu-Tòa**)

THƠ MỜI THAM DỰ TUẦN LỄ TÌM VỀ MINH-TRIẾT VÀ HỘI-NGỘ TÌNH THƯƠNG 2004

Kính gửi: Chư Chức sắc, Đạo trưởng, Niên trưởng, Hiền tài, Chức việc, Đạo tâm nam nữ tại các Cơ quan hay Thánh sở Cao-Đài, cùng Chư Tín hữu bốn phương.

Kính thưa Chư hiền Liệt vị,

Thiên-Lý Bửu-Tòa chúng tôi sẽ tổ chức một tuần lễ tu học với tên gọi:

“Tuần lễ tìm về Minh-triết và Hội ngộ Tình thương”

từ ngày **28-8 đến ngày 4 tháng 9-2004**

nhằm vào ba mục tiêu chính yếu như sau:

1) Thất chặt tình tương thân hòa ái giữa những người cùng có đức tin vào Thượng-Đế, đáng tối cao mà tín hữu Cao Đài kính xưng là THẦY. Trong tiếng Việt chúng ta, chữ THẦY có nghĩa Ngài là Đức TÔN SỬ dặt dìu, giáo hóa vạn linh, đồng thời còn có nghĩa Ngài là Đấng CHA LÀNH sinh thành, trưởng dưỡng muôn loài.

2) Trong những ngày này chúng ta sẽ cùng trao đổi và học hỏi lẫn nhau để đẩy mạnh phần Tâm pháp. Đối với tôn giáo nào cũng vậy, Tâm pháp chính là chiếc chìa khóa vàng khai mở mọi bế tắc, giải tỏa mọi vướng mắc từ nội tâm đến ngoại cảnh, hầu đem lại sự an bình, trật tự cho chính mình, cho tha nhân, cho tổ chức hay cộng đồng dân tộc và nhân loại; Tâm pháp đồng thời cũng là phương tiện nhiệm mầu giúp người tu mở rộng lòng từ bi bác ái đối với mọi người mọi vật.

3) Là những môn đệ của Đức Chí-tôn THƯỢNG-ĐẾ, trước hiện tình cơ đạo và nỗi đau khổ muôn trùng của nhân loại, chúng ta sẽ thẩm định xem mình cần kíp phải làm gì để rạng danh THẦY, để ơn cứu độ Kỳ Ba của THẦY sớm được thấm nhuận khắp cả chúng sanh trong thời hạ nguơn mặt kiếp.

Địa điểm tổ chức dự định đặt tại Thiên-Lý Bửu-Tòa. Trong trường hợp số lượng ghi danh tham dự đông đảo, Thiên-Lý Bửu-Tòa không đủ phòng ốc thì địa điểm tổ chức sẽ được dời về một trung tâm thích hợp do Ban tổ chức mượn và tham dự viên sẽ đóng tiền ăn ở suốt thời gian tham dự tuần lễ tu học, kể cả các phụ phí như thuê xe bus cho tham dự viên đi tham quan các thắng cảnh hay kỳ quan (nếu có).

Thành phần Ban tổ chức: Bước đầu là Hội đồng Quản trị và Chư hiền tại Thiên-Lý Bửu-Tòa, nhưng kính mong Chư hiền Liệt vị tại các Cơ quan hay Thánh sở hợp tác để thành phần Ban tổ chức đông đảo, đại diện cho nhiều cơ sở hơn.

Trạng thái tinh thần trong tuần lễ tu học: Thanh tịnh, vui vẻ, cởi mở, tương kính, tương thân, hòa ái, trật tự và xây dựng.

Vậy chúng tôi xin trân trọng thông báo tin này đồng thời kính mời Chư hiền Liệt vị vui lòng sắp xếp thời giờ đến tham dự tuần lễ tu học với ba mục tiêu như đã nêu trên. Chúng tôi rất vui mừng được tiếp đón Quý vị cùng đón nhận những đóng góp ý kiến xây dựng quý báu cho cơ Đạo ngày càng hanh thông, phát triển để quyền pháp Đạo ngày càng trở nên bề thế, vững vàng. Có như vậy chúng ta mới đủ uy tín và khả năng dưỡng cao ngọn cờ Đại Đạo trong bối

cảnh và thời kỳ mà tôn giáo đang đóng vai trò vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng tác động đến sự mất còn của nhân loại.

Để có thể nắm vững tình hình nhân số tham dự “**Tuần lễ tìm về Minh-triết và Hội ngộ Tình thương**” và kịp thời lo liệu việc tổ chức, xin Chư hiền Liệt vị vui lòng gửi thư ghi danh (theo mẫu đính kèm) về Thiên-Lý Bửu-Tòa mà ngày **30-7-2004** là thời hạn chậm nhất. Nếu Quý vị hợp tác hay trợ giúp trong công việc tổ chức, xin vui lòng cho chúng tôi biết càng sớm càng tốt danh tánh, địa chỉ và số điện thoại của Quý vị để tiện liên lạc và chính thức kính mời gia nhập Ban tổ chức. Mặt khác, chúng tôi xin Quý vị đang có trách nhiệm điều hành đạo sự tại các địa phương vui lòng kịp thời phổ biến rộng rãi văn thư này và động viên đạo hữu thuộc Quý Cơ quan hay Thánh sở ghi danh tham dự càng đông càng tốt, nhất là giới thanh niên, sinh viên.

Thành tâm cầu nguyện Đức CHÍ-TÔN, Đức ĐIỀU-TRÌ và các Đấng Thiêng liêng siêu đẳng phù hộ Chư hiền Liệt vị vạn sự an lành, thân tâm thường lạc.

Trân trọng kính chào và mong được đón tiếp Quý vị trong tình đồng đạo.

T.M. Hội đồng Quản trị Thiên-Lý Bửu-Tòa

Chánh Hội trưởng,

Phối Sư Ngọc Tuyết Tiên

Cước chú: Sau khi biết rõ số lượng tham dự viên và ước lượng được quy mô của kỳ tổ chức này, chúng tôi sẽ kính gửi đến Quý tham dự viên văn thư xác định địa điểm tổ chức và các chi tiết liên quan đến “**Tuần lễ tìm về Minh-triết và Hội-ngộ Tình thương**”.

THỜI KHÓA BIỂU TUẦN LỄ TÌM VỀ MINH-TRIẾT VÀ HỘI-NGỘ TÌNH THƯƠNG

28/8/2004 Trọn ngày đón rước các tham dự viên

11:00 PM Đàn lễ trình Thầy Mẹ và các Đấng

11:20 PM Tuyên bố nhập khóa

29/8/2004 Chi tiết đặc biệt ngày

29/8/2004:

07:30 AM Điểm tâm

08:00 AM Điều lệ tu học và sinh hoạt khóa tu dưỡng

09:00 AM Chuẩn bị cho Đại lễ Vu Lan & Cầu siêu

11:30 AM **Đại lễ Trung Ngươn Rằm tháng 7 Địa Quan xá tội - Động U Minh cầu siêu cho toàn thể hương linh bá tánh, chư Thánh tông đồ tử Đạo & các chiến sĩ vị quốc vong thân - Thuyết minh Giáo lý**

01:00 PM Thọ chay. (Sau đó giống như hằng ngày nhưng không có thời Giáo lý chiều)

Chương trình hằng ngày:

05:30 AM Thức dậy, vệ sinh căn bản

06:00 AM **Tham thiền nhập định**

06:45 AM **Đàn lễ Mẹo thời - Động U Minh cầu siêu chư linh bá tánh**

07:30 AM Điểm tâm (30 phút)

08:00 AM Thể dục, vệ sinh phòng ốc, bảo quản cơ sở

09:00 AM **Nhập học giáo lý hay hội luận.** (Có 10 phút nghỉ xả hơi)

11:00 AM Chấm dứt học giáo lý, giờ cá nhân

- 11:30 AM **Tham thiền nhập định**
 12:30 PM Cơm trưa (45 phút)
 01:15 PM Nghỉ trưa
 03:00 PM **Nhập học giáo lý hay hội luận.** (Có 10 phút nghỉ xả hơi)
 05:00 PM Chấm dứt học giáo lý, giờ cá nhân
 05:30 PM **Tham thiền nhập định**
 06:15 PM **Đàn lễ Dậy thời - Động U Minh cầu siêu chư linh bá tánh**
 07:00 PM Cơm tối (45 phút)
 07:45 PM Tùy nghi, an nghỉ

Công phu Tý thời tự nguyện - có thể nghỉ thời này để ngủ thẳng giấc

4/9/2004 Các chi tiết giống như hằng ngày

09:00 AM **Hội thảo Nữ phái & Thanh thiếu niên và các vấn đề quan trọng khác** (chương trình có thể thay đổi)

Bế mạc.

5/9/2004 Tiếp tục hội thảo (nếu cần) hoặc thăm viếng thắng cảnh, tùy nghi.

NEXT Thư ghi danh tham dự được in bằng giấy màu và để ở giữa tập sách này.

ĐỨC PHẬT DẠY CON

Huệ Ý



1. NHỎ TUỔI VẤN TU ĐƯỢC.

Đức Thích Ca Mâu Ni có một người con tên La Hầu La. Khi đắc đạo, Đức Phật trở về kinh đô độ cha mẹ tu hành. Vợ của Ngài, công chúa Gia Du Đà La lo sợ, nếu người khác lên ngôi vua, đời bà sẽ không được bảo đảm, vì chồng đi tu, con lại nhỏ tuổi. Mỗi lần Đức Phật đi khát thực, bà chỉ cho La Hầu La biết và dặn: “Đó là cha con, con hãy đi theo và xin để lại gia tài cho con.”

Ngài La Hầu La vô tư đi theo Đức Phật và nói lại những lời mẹ dặn. Lần đầu tiên, Đức Phật không để ý. Đến lần thứ ba, Đức Phật cảm động và biết ngay con mình làm theo lời mẹ.

Đức Phật gọi Ngài Xá Lợi Phất đến và hỏi: “La Hầu La xin Thầy để lại gia tài, vậy Thầy nên trao lại những gì?”

Ngài Xá Lợi Phát đáp: “Bạch Thầy, ngai vàng, điện ngọc, vàng bạc, châu báu những thứ Thầy đã bỏ đi thì còn trao lại cho La Hâu La làm gì. Chỉ có đạo giải thoát là quý nhất trên đời mà Thầy đã trao cho chúng con, xin Thầy cũng trao lại cho La Hâu La.”

Đức Thích Ca đáp: “Đúng như thế. Xá Lợi Phát, con hãy xuống tóc cho La Hâu La.”

Ngài Xá Lợi Phát lấy dao ra và La Hâu La đã trở nên nhà sư tí hon sau ba lần cạo cùng ba lần nguyện: Dao thứ nhất nguyện bỏ mọi sự dữ; dao thứ hai nguyện làm mọi sự lành; và dao thứ ba nguyện độ tất cả chúng sanh.

Từ đó La Hâu La không còn ở nhà với mẹ mà theo ngài Xá Lợi Phát học đạo.

2. LỜI NÓI PHẢI CHÂN THẬT. CÁI CHẬU NHƯ LÀ THÂN CỦA MÌNH, NƯỚC NHƯ LÀ TÂM CỦA MÌNH, CẢ HAI ĐỀU PHẢI THANH KHIẾT.

Trong giờ Đức Phật thuyết pháp, vì còn nhỏ tuổi nên La Hâu La chưa phải dự nghe, được tự do chơi đùa. Một hôm có đoàn sa môn đến thỉnh pháp, gặp La Hâu La ngoài cổng. Vị cao tuổi hỏi La Hâu La Đức Phật giảng đạo nơi nào. Vốn còn tinh nghịch, thay vì chỉ đúng, La Hâu La hướng dẫn ngược lại. Chư tăng đến nơi thì trật chỗ, tìm được đúng giảng đường, Đức Phật đã thuyết pháp xong.

Liên tục ba ngày, Đức Phật bèn hỏi các vị tăng đi trễ, lý do nào mà luôn mấy ngày đều đến chậm.

Vị cao tuổi đáp: “Chúng con không rõ sư chú La Hâu La có biết giảng đường Thầy thuyết pháp hay không, nhưng ngày nào chúng con theo sự hướng dẫn của sư chú thì đều đến trật.”

Đã rõ lý do đến muộn của chư tăng, Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phát đi gọi La Hâu La đến gặp Ngài có việc cần.

La Hâu La đến, Đức Phật nói: “Hôm nay cha đi khát thực về, chân không được sạch, con hãy lấy cái chậu, ra giếng múc nước vào rửa chân cha.”

La Hâu La vâng lời. Rửa chân xong, Đức Phật nói: “Cha cho con chậu nước này để dành uống đó.”

La Hâu La không dám trả lời, chỉ đứng lắc đầu. Đức Phật hỏi: “Tại sao con không chịu?”

La Hâu La đáp: “Chân cha dơ, nước này dùng để rửa, nay không còn sạch, uống vào con sẽ bệnh.”

Đức Phật tiếp lời: “Vậy con đem đổ nước đi.”

La Hâu La đổ nước rồi đem chậu vào. Đức Phật nói: “Con không chịu lãnh nước thì cha cho con cái chậu đó để đựng thức ăn.”

La Hâu La cũng lắc đầu. Đức Phật hỏi tại sao?

La Hâu La đáp: “Chậu đựng nước dơ, nên chậu cũng dơ, thức ăn sẽ bị hư thối, khi đựng trong chậu này.”

Đức Phật tiếp: “La Hâu La, ba ngày nay, con nói những lời không chân thật, thân con như cái chậu, tâm con như nước trong chậu này đều bị dơ bẩn, con còn không chịu dùng thì chư tăng cũng như chư Thiên đâu sử dụng. Con hãy sám hối và không được tái phạm. Từ nay, hãy theo thầy con, Xá Lợi Phát, đi nghe giảng chứ không nô đùa nữa.”

3. NHỎ TUỔI VẪN CÓ THỂ GIÚP NGƯỜI CHUNG QUANH CÓ CẢM TÌNH VỚI ĐẠO VÀ TỪNG BƯỚC TU HỌC.

Trong số các đệ tử của Phật có Ngài Cấp Cô Độc. Sở dĩ có tên như thế là do ông thường giúp đỡ các vị khó khăn cơm áo gạo tiền. Tấm lòng ông thì rộng rãi, ngược lại vợ ông, bà Nữ Phúc Tướng, thường cần nần về chuyện đem tiền bạc làm việc từ thiện. Ngài Cấp Cô Độc xin Đức Phật giúp cho một huynh đệ đến nhà để giáo hóa tâm hồn vợ ông.

Đức Phật đáp: “Con hãy dẫn La Hầu La về nhà.”

Ông Cấp Cô Độc ngạc nhiên, nhưng không dám có ý kiến. Đến nhà, ông Cấp Cô Độc vào trong, còn sư chú La Hầu La đứng ngoài cửa.

Hằng ngày, chư tăng đến, bà Nữ Phúc Tướng không vui, vì cho rằng chư tăng là nguyên do khiến chồng bà không những bỏ bê việc nhà mà còn đem tài sản ra để biếu tặng người khác nữa. Nhưng hôm nay, không có vị tăng nào đến, chỉ có một chú tiểu, dáng hiền hòa trước cửa. Bà cũng có những người con, nhưng đâu có khổ như chú này, cha mẹ đâu mà vào chùa tu rồi phải khát thực. Động lòng trắc ẩn, bà lấy xôi chuối ra tặng.

Sư chú La Hầu La nhìn thấy xôi chuối trong bình bát thì mỉm cười, nhưng lật đật nhớ lời thầy dặn liền chú nguyện.

Sốt xôi chuối vào bát xong, bà Nữ Phúc Tướng hỏi: “Tôi tặng chú xôi chuối, sao không cảm ơn, mà nói lầm thầm gì trong miệng vậy?”

Sư chú La Hầu La đáp: “Thay lời cảm ơn, tôi đang chú nguyện cho bà được giải trừ mọi phiền não, thân tâm được lành mạnh, tu hành tinh tấn để viên thành Phật đạo.”

La Hầu La đi rồi. Bà Nữ Phúc Tướng hỏi ông: “Hôm nay ai đến nhà mình vậy?”

Ông đáp: “Mừng cho bà, từ trước đến giờ bà không cho ai cả, mà hôm nay mở lòng từ thiện, vậy là bắt đầu có phước báu trên trời rồi. Người mà bà tặng xôi chè hôm nay, không phải là một đứa trẻ nghèo khó, chính là con của Thái Tử Tất Đạt Ta, vua của tôi với bà, người có mọi tài sản trên thế gian, giàu gấp trăm ngàn lần tôi với bà, nhưng Ngài đã từ bỏ tất cả để đi tu thành Phật. Hôm nay, Ngài cho sư chú đến đây để dạy cho bà bớt cái tánh bồng xển, bà có phước lắm mới được sư chú cầu nguyện cho.”

Bà Nữ Phúc Tướng đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Từ sự thương hại bà đi đến mến phục chú tiểu La Hầu La. Ngày nào bà cũng chờ chú đến để biếu xôi chè, nhưng không thấy. Bà hỏi ông: “Tôi muốn gặp lại sư chú hôm trước được không ông?”

Ông đáp: “Mỗi ngày Thầy dạy đi đâu, Ngài phải đi đó, bà làm sao gặp được. Muốn gặp Ngài, bà phải lên chùa.”

Từ đó bà Nữ Phúc Tướng theo ông lên chùa, phụ làm từ thiện, và lần lần trở thành một đệ tử chân tu của Đức Phật. Lần nào lên chùa bà cũng có phần quà bánh cho La Hầu La, vì đối với bà, Ngài chính là vị thầy nhỏ đầu tiên.

4. NGÀI LA HẦU LA LÂM CỐ TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Thi:

La Hán thế nguyên tế chúng sanh,
Hầu gần Từ Phụ hưởng ân lành,
La dòng giống Thích hoàn cầu nhắc,
Giáng hộ đàn trung tiếp điển thanh.

Ta xin chào chư Thiên mạng, thiện nam, tín nữ.

Nghiêm thiết đàn tràng, tiếp Đức Thế Tôn. Ta xin xuất ngoại châu lễ...

(BÁT BỮU PHẬT ĐÀI, 15-01 Giáp Thìn, 27-02-1964)

CÁC BÀI HỌC

Qua cuộc đời của Ngài La Hầu La, chúng ta thấy tuổi trẻ vẫn tu được.

1. Tuổi trẻ là kiếng non, nhờ cha mẹ, thầy cô, anh chị chăm sóc uốn nắn mà trở nên giá trị.

Trong đạo, các vị lão thành thường dặn chúng ta:

*Uốn tre, uốn thuở măng non,
Dựng gậy hướng đạo khi còn tuổi thơ.*

Lúc con còn trẻ, nên hướng dẫn đến chùa, thất, cho tập cúng bái, học lễ nghi đạo đức hầu quen dần nếp tu học. Nếu không làm như thế, khi con lớn rồi, không dễ đưa đi học giáo lý, học thánh kinh hiền truyện nữa.

2. Thánh đường là môi trường phát triển tánh tốt, hạn chế tánh xấu.

Đối với quý vị có tuổi, Ôn Trên còn dạy: “Đến chùa thất rửa lần tội lỗi,/ Đọc sách kinh tẩm gội linh hồn”, hướng là trẻ con.

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Chúng ta còn nhớ tích Mạnh Mẫu trạch lân xử. Mẹ ngài Mạnh Tử phải thay đổi chỗ ở đến ba lần mới ổn định. Lần đầu ở kế bên lò mổ heo, lần hai kế bên nghĩa địa, lần ba kế bên trường học, Ngài Mạnh Mẫu mới chịu ở luôn.)

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn khi về đàn đã dặn đạo tử Diệu Lý: “*Hiên nương hãy đưa Khải [Tạ Đăng Khải, cháu nội của Đạo trưởng, con anh Tạ Đăng Võ] đến Cơ Quan để học lễ nghi đạo đức.*”

Người xưa cũng dạy:

*Trồng dưa thì phải làm giàn,
Nếu không chúng sẽ bò càng, bò nghiêng.*

Khi con trong tuổi vị thành niên, chúng ta phải hướng dẫn với tinh thần “*Cá không ăn muối cá ươn,/ Con cãi cha mẹ trăm đường con hư*”, chứ không thể để trẻ tự do phóng túng được.

Điều quan trọng, theo lời Ôn Trên dạy là vấn đề kế thừa đạo nghiệp của tổ phụ:

*Cha tu con phải được hiền,
Lập thành số bộ trò tiên mới là.*

3. Thời gian: ấn số cho người già lẫn người trẻ.

Cổ đức dạy:

*Mạc dãi lão lai phương học đạo,
Cô phần tận thị thiếu niên nhân.
(Học đạo khuyên đừng chờ cao tuổi,
Mồ hoang nghĩa địa lấm đầu xanh.)*

Điều bất hạnh nhất có thể xảy ra là cái chết của mỗi người không hề hẹn trước: *Sanh tử sự đại, tấn tốc vô thường*. Một số vốn tu học dù nhiều hay ít cho người lớn tuổi, nhất là với người trẻ tuổi vô cùng quý báu, cần thiết làm vận tốc đầu để tiếp tục tu học khi bước sang thế giới bên kia.

4. Đủ sức khoẻ mới có thể đi trọn đường tu.

Đường tu không những dài mà còn nhiều chông gai trở ngại. Đôi lúc một hay nhiều lớp học còn bị lưu ban, nên cần sức khoẻ tốt để kiên định ý chí vào việc hành trì, nhưt là học chơn đạo.

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy: *“Trước khi vào sơ cơ thừa thụ pháp môn, không phải theo khẩu quyết nhất định, mà phải soát lại: tâm nguyện, giới hạnh, sức khoẻ. Ba điều ấy thiếu một không sao làm được thánh. Nên trước hết là tâm nguyện có đủ, mà sức khoẻ không bảo đảm, làm sao đeo đuổi hành trì suốt đời.”*

Tuổi trẻ phát nguyện tu học là có nhiều cơ may để công thành viên mãn.

5. Làm sao đưa trẻ đến thánh đường và theo đuổi tu học?

Trước nhất, đưa trẻ đến được thánh đường là trách nhiệm của phụ huynh vì *“phụ từ mới dạy con tử hiếu”* (Đức Ngô Đại Tiên dạy). Cha mẹ là tấm gương thân giáo cụ thể, liên tục đối với con cái. Nếu cha mẹ chưa hiểu được ý nghĩa của việc tu học hành đạo, chưa tích cực hành đạo thì chắc chắn không bao giờ khuyến khích và tạo điều kiện cho con mình đến chùa thất.

Chúng ta cũng kể đến trường hợp hiếm hoi là vì cơ duyên nào đó con lại được tu học trước và quay về độ dẫn phụ mẫu đúng như lời dạy:

Tu là cứu cứu huyền thất tổ,

Tu là cần phổ độ nhân sanh.

(Tu chơn thiệp quyết)

Thứ hai, việc giữ được trẻ và huấn luyện thể hệ tiếp nối là trách nhiệm của các đàn anh chị đi trước, Ôn Trên

dạy:

Đàn anh tiến, đàn em cũng tiến,

Đủ pháp quyền vượt biển đặng sơn.

Lẽ tất nhiên, đào tạo được một giáo sĩ có khả năng băng rừng, vượt biển không thể ngày một ngày hai; nhưng có khởi đầu, thì sẽ có kết thúc, đó là ngày mà các anh chị phụ trách từ vườn ươm đến lễ nghi đạo đức, phổ huấn, tu sĩ, giáo sĩ... vui mừng khi chồi non đơm hoa kết quả.

Huệ Ý

(09-5-2004)

TIÊN TRI VỀ ĐẠO CAO-ĐÀI

Ngày giáng trần lập đạo của Thượng Đế đã được tiên tri từ mấy ngàn năm về trước.

1) Trong quyển **“Phật Tông Nguyên Lý”**, khi Đức Thích Ca sắp viên tịch, đệ tử của Ngài là Ananda rơi lụy hỏi rằng:

- "Khi Tôn Sư nhập Niết Bàn rồi ai dạy bảo các con?"

Đức Phật đáp:

- "Ta chẳng phải vị Phật đầu tiên hay cuối cùng, ngày giờ đến, sẽ có một Đấng khác xuất hiện cứu đời, **một Đấng Chí Thánh, một Đấng Đại Giác, cực kỳ cao thượng, một Đấng dẫn Đạo vô song, một Đấng Chúa Tể Thánh Thần và loài người, Đấng ấy sẽ truyền dạy các con một mối Đạo vinh diệu buổi sơ khai, vinh diệu buổi thịnh hành, vinh diệu buổi kết cuộc, Đấng ấy sẽ xướng xuất một đời sống đạo đức hoàn toàn thuần khiết”.**

Đấng Chúa Tể Thánh Thần và loài người chỉ có thể là Đức **THƯỢNG-ĐẾ** mà thôi.

2) Lời tiên tri trong quyển “**Thanh Tịnh Kinh**” của Lão giáo:

"Thanh Tịnh kinh hữu di tích: Công viên quả mẫn chỉ thọ đơn thơ. Thiên mạng phương khả truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" nghĩa là: "Kinh Thanh Tịnh có dấu tích để lại rằng: Công đầy quả đủ sẽ được lãnh thọ đơn thơ. **Người có mạng Trời khá nên truyền Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ**".

3) Lời tiên tri trong quyển “**Vạn Pháp Qui Tông**”: Quyển “Vạn Pháp Qui Tông” lưu truyền trong nhân gian hơn mấy trăm năm nay có câu "*Cao Đài tiên bút thi văn tự*" nghĩa là trong Đạo Cao-Đài mai sau sẽ có thơ văn của chư Tiên do thần cơ diệu bút tiếp ra.

4) Lời tiên tri qua cơ bút (*)

Các đàn tiên tri quy tụ những người hầu đàn cơ gồm đủ mọi tầng lớp trong xã hội, do nhiều mục đích khác nhau. Có thể chia ra ba nhóm chính:

- *Nhóm sĩ phu ưu thời mẫn thế*, mượn đàn cơ để hỏi việc thiên cơ, hầu hết vận mệnh đất nước ra sao. Những đàn này thường lập rất kín đáo.

- *Nhóm mặc khách tao nhân*, mượn đàn cơ để xướng họa thi phú với thần tiên, di dưỡng tính tình. Những đàn này thường lập trong ít người đồng thanh khí.

- *Nhóm bình dân*, gồm những người cần xin thuốc chữa bệnh, cầu thọ ... Những đàn này phổ biến hơn cả, rất đa dạng. Qua sự linh ứng nhãn tiền, đông đảo dân chúng đã có đức tin nơi siêu hình. Những đàn này thường chỉ hoạt động trong một thời gian nhất định, tại một địa phương nào đó,

rồi ngưng hẳn (bế đàn). Ở Nam Kỳ hồi đầu thế kỷ XX có một số đàn hữu danh thuộc loại này, như đàn Hiệp Minh (ở Cái Khế, tỉnh Cần Thơ), đàn Minh Thiện (ở Thủ Dầu Một), đàn Chợ Gạo (tỉnh Chợ Lớn)...

Trong số các đàn tiên tri sự xuất hiện của đạo Cao Đài, có thể dẫn lại ba trường hợp tiêu biểu như sau:

a. Đàn tại quận Cao Lãnh (1913)

Thứ sáu, ngày 03-01-1913 (26-11 Quý Sửu), tại quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc, một nhóm sĩ phu lập đàn tại nhà ông Lê Quang Hiến (nhạc phụ nhà báo Diệp Văn Kỳ), mục đích hỏi về thiên cơ, quốc sự. Chơn linh nhà Nho yêu nước Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân (1841 - 1875) giáng cơ ban cho bài thơ chữ Nho như sau:

*Dung tất Cao Đài nhiệm khuất thân,
Tứ triêm đào lý nhứt môn xuân.
Canh tân bồi ức giang sơn cụt,
Trừ cụt thời thiêm tuế nguyệt tân.
Cửu thập thiêu quang sơ bán lục,
Nhất luân minh nguyệt vị tam phân.
Thừa nhàn hạc giá không trung vụ,
Mục đồ Cao Đài tráng chí thân.*

Ngài lại ban cho bài thơ dịch:

*Cơ duỗi Cao Đài khoẻ tấm thân,
Đạo xem đào lý đượ màu xuân.
Giang sơn chẳng khác ngàn năm cũ,
Ngày tháng chờ thay một chữ tân.
Chín chục thiêu quang vừa nửa sáu,
Một vùng trắng rạng chứa ba phân.*

Thừa nhàn cưỡi hạc không trung ruổi,

Chạm mắt Cao Đài khoẻ tám thân.[1]

Hai chữ Cao Đài được nhắc tới bốn lần mà không ai hiểu ngụ ý gì. Gia đình ông Lê Quang Hiến sao lại hai bài thơ, cất lên trang thờ làm kỷ niệm. Cuối năm 1926 (Bính Dần), khi các ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ ... trong đợt phổ độ Lục Tỉnh đến tại quận Cao Lãnh bấy giờ mọi người mới nhớ lại bài thơ mười ba năm trước.

b. Đàn tại miếu Nổi (1923) và chùa Ngọc Hoàng (1923)

Miếu Nổi không biết có từ bao giờ, nằm trên một cồn nhỏ rộng khoảng một trăm thước vuông, ở giữa sông Bến Cát, là chi nhánh sông Bình Lợi, quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định cũ. Trong miếu thờ Tề thiên Đại thánh, Ngũ long Công chúa.[2]

Trong một đàn lập ở miếu Nổi đêm 17-6 Quý Hợi (thứ Hai 30-7-1923), một vị trong Bát tiên là Tào Quốc Cửu giảng cơ khuyến tu, có đoạn: “*Chư như có phước có duyên nên mới gặp Đạo kỳ này là kỳ thứ ba. Thiệt chư như có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. Hữu duyên đắc ngộ Tam kỳ độ, tiên thánh đều lâm phàm mà độ kẻ nguyên nhân.*” [3]

Cùng năm ấy còn có một đàn cơ tiên tri khác, vào đêm 22-7 Quý Hợi (Chủ nhật 02-9-1923):

Huê phát Tam kỳ Đạo dĩ khai,

Quang minh tứ hướng thượng tam tài.

Đại phước kim đơn thân đắc ngộ,

Đế quân giáng hạ, nhữ vô tai.[4]

Bài thơ quán thủ thành Huê Quang Đại đế, là vị giảng đàn. Câu một nói “*Tam kỳ Đạo dĩ khai*” (Đạo kỳ Ba đã mở

rồi) ám chỉ việc ông Ngô Văn Chiêu đã học đạo với đức Cao Đài trước đó hai, ba năm (1920-1921). Câu hai nói “*tứ hướng thượng tam tài*” (bốn phương đều kéo cờ ba màu) tiên tri từ năm 1926 trở đi khắp nơi sẽ nhìn thấy cờ của đạo Cao Đài gồm ba màu Vàng, Xanh, Đỏ, tượng trưng cho Tam giáo (Phật, Lão, Nho). Câu ba nói tới “*kim đơn*” nhằm ngụ ý liên hệ tới phần nội giáo tâm truyền (tu thiên hay tịnh luyện) của đạo Cao Đài.

Đàn tiên tri nói trên tiếp nhận tại chùa Ngọc Hoàng. Chùa này nằm trên đường Phạm Đăng Hưng, vùng Đất Hộ (Đa Kao), lúc đầu tên gọi là Ngọc Hoàng điện, tạo tác trong hai năm 1905-1906. Vị giữ chùa đầu tiên là Lưu Minh, ăn chay trường, tu Minh sư.[5]



Chùa Ngọc Hoàng ở Đa Kao (ảnh tài liệu)

5) Lời tiên tri trong kinh điển Minh sư (*)

Minh sư là một tông phái thờ Tam giáo, nhưng trọng về Lão, sử dụng cơ bút, tu đơn (tức thiên đạo Lão). Khởi thủy,

môn phái này quy tụ các di thần nhà Minh (Trung Quốc), xuất hiện đầu đời Thanh (cuối thế kỷ XVII). Tổ thứ mười hai của Minh sư là ông Trần Thọ Khánh có qua Việt Nam năm Giáp Ngọ (1894), năm sau tạ thế ở Trung Quốc.[6] Đạo Minh sư lúc đầu nuôi chí “phản Thanh phục Minh” nhưng với thời gian đã thay đổi nhiều. Khi được truyền bá ở Việt Nam, Minh sư trở thành một môn phái tu hành thuần túy, rất có uy tín ở Trung Kỳ và Nam Kỳ. Chùa Minh sư được gọi là *Phật đường*. Rất nhiều Phật đường là căn cứ mật của nghĩa quân chống Pháp.

Trước khi đạo Cao Đài xuất thế, trong tín đồ thông chữ Hán của Minh sư thường truyền tụng hai câu mà quán thủ là Cao Đài:

*Cao như bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng,
Đài tại nam phương Đạo thống truyền.*

Ở miền Tam Quan, tỉnh Bình Định, Trung Kỳ, có phái tu Minh sư của một nhà ái quốc là đạo sĩ Trần Cao Vân (1866-1916). Kinh nhật tụng của phái này có hai câu:

*Con cầu Phật tổ Như lai,
Con cầu cho thâu Cao Đài Tiên ông .*

Đợi đến khi Cao Đài truyền từ Nam ra Trung, tín đồ Minh sư mới nghiệm được lời tiên tri. Lối tu có cơ bút, thờ Tam giáo của Cao Đài lại phù hợp Minh sư nên các lão sư và đông đảo tín đồ đã mau lẹ nhập môn, trong sự hân hoan là từ đây người nước Nam đã có đạo của dân tộc Việt Nam.

Sự xuất hiện của đạo Cao Đài ở Việt Nam, khởi nguyên từ đất Nam Kỳ, đã diễn ra trong một thời kỳ lâu dài. Riêng về thời kỳ tiềm ẩn, nhằm chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho đạo Cao Đài ra đời, có thể ấn định mốc thời gian khởi từ năm Canh Thân (1920) là năm lần đầu tiên vị môn đồ

đầu tiên của đức Cao Đài là ông Ngô Văn Chiêu được biết đến hồng danh Cao Đài trong một đàn cơ ở tỉnh Tân An. Khởi từ năm ấy, thời kỳ tiềm ẩn có thể coi như kết thúc vào cuối tháng 8 Bính Dần (tháng 9-1926), vì vào lúc đó, ông Lê Văn Trung đã cùng các đồng môn công bố tuyên ngôn chính thức về sự ra đời của đạo Cao Đài. Tuyên ngôn này thường được gọi đơn giản là *Tờ khai Đạo*.

Chú thích:

(*) Phần 4 và 5 của bài này được trích từ “**Lịch sử Đạo Cao-Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926**”, chương I “**Đất Nam Kỳ**”, của tác giả Lê Anh Dũng. Nguyên bài được đăng trên website:

www.thienlybuutoa.org

- [1] Huệ Lương, *Đại đạo Tam kỳ Phổ độ (Cao Đài giáo) sơ giải*. Sài Gòn: Nxb Thanh hương Tông thư, 1963, tr. 27.
- [2] Huỳnh Minh, *Gia Định xưa và nay*. Sài Gòn: 1973, tr. 203.
- [3] Nguyễn Trung Hậu, *Đại đạo căn nguyên*. Sài Gòn: 1957, tr. 9.
- [4] Nguyễn Trung Hậu, *Đại đạo căn nguyên*. 1957, tr. 9.
- [5] Vương Hồng Sển, *Sài Gòn năm xưa*. Sài Gòn: Nxb Khai trí, 1969, tr. 198.
- [6] Sơn Nam, *Cá tính của miền Nam*. Sài Gòn: Nxb Đông phố, 1974, tr. 108.

PHƯƠNG THUỐC TRỊ BỆNH CHAI GAN (*)

HOA-ĐÀ TIÊN-ÔNG

Nguyên nhân gây ra chứng chai gan có nhiều:

1) Có nhiều người vì cuộc sống, phải làm việc ban đêm, nên đi ngủ rất trễ.

Theo nguyên lý tuần hoàn của huyết mạch thì mỗi ngày lúc 3 giờ sáng, máu nhứt định sẽ chạy đến gan. Người đi ngủ trễ thì vào giờ này máu không đủ sức để chuyển hành đến gan. Lâu ngày dài tháng hỏa can dâng cao mà làm cho chai gan.

1) TRƯỜNG HỢP THỨ 1:

10 giờ sáng ăn 30 hột nho khô. Trước khi ăn phải uống nửa ly nước hơi (có bọt khí gas). Uống xong rồi mới ăn 30 hột nho khô.

10 giờ tối, uống 1 lọ thuốc gan "Lưu khắc can" (hỏi tiệm thuốc bắc). Dùng hai thứ như vậy liên tục trong 10 ngày sẽ thấy công hiệu.

* * * * *

2) Có nguyên nhân khác là người gặp nhiều chuyện buồn dôn dập, bị kích thích quá độ, không thể ngủ được mà sanh ra bệnh.

2) TRƯỜNG HỢP THỨ 2:

10 giờ sáng, ăn 1/2 miếng đu đủ thoa một chút mật ong.

10 giờ tối, uống 1 chén trà măng tây pha mật ong.

Cách pha chế như sau:

Lấy 10 cây măng tây loại trắng cho vào nồi với 2 chén nước. Nấu cho sặc lại còn 1 chén và pha với mật ong.

Dùng liên tục như vậy trong 10 ngày sẽ thấy công hiệu.

* * * * *

3) Lại cũng có nguyên nhân khác do sự bi thương quá độ, nước mắt chảy quá nhiều mà sanh ra.

3) TRƯỜNG HỢP THỨ 3:

10 giờ sáng, ăn 30 quả nho tươi, bỏ bã, chỉ nuốt nước mà thôi. Nếu không có nho tươi, có thể thay thế nho hộp (dùng nước nho hộp được, phải bỏ hột).

10 giờ tối, uống trà hột xí mụi pha với mật ong.

Cách pha chế như sau:

Lấy 50 trái xí mụi ngâm nước sôi rồi gọt bỏ vỏ ngoài, chỉ lấy hột thôi. Cho hột vào nồi với 3 chén nước, nấu cho sặc lại còn độ 1 chén, để cho nguội mới thêm mật ong vào.

Uống như vậy liên tục trong 10 ngày sẽ hiệu nghiệm đặc kỳ..

* * * * *

4) Hay là bợm nhậu, vì uống quá nhiều rượu, gan hấp thụ quá nhiều tinh rượu mà bị chai gan. Bệnh này rất khó chữa. Người bị bệnh ngủ đến nửa đêm thường cảm thấy rất khát nước, phải thức dậy uống nước lạnh thì mới thấy dễ chịu.

4) TRƯỜNG HỢP THỨ 4:

4 giờ chiều, uống 1 lọ thuốc gan "Lưu khắc can".

10 giờ tối, uống 1 chén nước nho (có thể dùng nho hộp).

Dùng liên tục trong 15 ngày, công hiệu không tưởng tượng được.

Chú thích:

(*) Phương thuốc giản dị này do Đức **HOA-ĐÀ TIÊN-ÔNG** giảng cơ tại Thánh Hiền Đường Đài Loan ban cho, đã được chuyển dịch qua tiếng Việt và đăng trong cuốn "**Diệu Phương Cứu Đời hay Phép Trị Liệu Bằng Rau Quả**".

Truyện Đạo:**VUA A DỤC TRỞ VỀ VỚI PHẬT PHÁP**

Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài đã đem Chánh pháp phú chúc cho các vị quốc vương và đại thần, để sự truyền bá Phật pháp mau phổ biến.

Từ ngày Đức Phật diệt độ, nếu quan sát trong lịch sử Phật giáo, thì tại xứ Ấn Độ có vua A Dục thật hết lòng lo hộ trì Phật pháp.

Nay xin thuật sơ lịch sử của vua A Dục:

Nguyên vua A Dục là dòng dõi của A Xà Thế vương, thân phụ của Ngài tên là Tần Đầu Sa, thân mẫu thuộc phái Bà La Môn.

Khi Ngài còn nhỏ thì thân thể rất thô kệch xấu xa, nên vua cha chẳng thương yêu. Đến lúc Ngài thành nhân, thì oai dũng hơn người và võ nghệ xuất chúng.

Sau nhân có việc nội loạn tại thành Hưu Thị La, vua cha mới sai Ngài đi chinh phục. Khi đâu đó được bình yên, vua cha thấy Ngài có công lao nên phong làm Thái tử.

Cách ít lâu, vua Tần Đầu Sa thăng hà, thì Ngài kế vị, song tánh rất bạo tàn vô đạo, đến nỗi giết hết mất trăm người tôi đại thần và kẻ thân thuộc.

Mùa xuân năm ấy trăm hoa đua nở, cảnh vật vui tươi, Ngài mới dẫn bọn cung nữ đi dạo khắp vườn hoa mà thưởng ngoạn. Khi ra ngắm cảnh vườn xuân, bọn cung nữ chỉ lo chơi giỡn và trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, chớ chẳng quây quần bên Ngài như lúc ở tại nội điện. Vua nổi giận, truyền bắt giết tất cả, rồi tức thì trở về cung, chớ không đi thưởng ngoạn nữa. Lúc ấy, toàn dân trong nước đều ta thán cho Ngài là một ông vua đại gian ác.

Đã vậy mà Ngài còn lập ra một chỗ gọi là: “Địa ngục ở trần gian”, đặt tên là vườn “Ái lạc”, ngoài thì sắp đặt cực kỳ tốt đẹp, nào là ao sen non bộ, cỏ quý hoa thơm, cũng như công viên, để cho nhân dân mặc tình đến đó mà thưởng thức giải trí.

Nhưng bên trong thì có non đảo rừng kiếm, lò lửa vạt dầu, và đủ các món khí cụ để hành hình người một cách ghê gớm.

Hễ người nào vào trong vườn Ái lạc đó, thì ngục tốt bắt giam, rồi cứ hành hình. Còn những thế nữ ở trong cung mà cãi cọ xung đột với nhau, thì bắt đem vào cho chủ ngục phân xử. Thiệt là một cái thảm trạng thống khổ của nhân gian không kể xiết!

Khi ấy có một vị Tỳ kheo, nhân đi khát thực nơi thành Hoa Thị, vì chẳng thông đường xá nên lạc vào vườn “Ái lạc”, nhìn thấy cảnh tượng bên ngoài thì tốt đẹp lạ lùng, còn phía trong quả là một chốn địa ngục.

Thầy Tỳ kheo hoảng kinh, toan kiếm đường trở ra, ai ngờ bị ngục tốt đón bắt lại. Thầy hết sức yêu cầu mà bọn ấy không dung thứ, nên thầy bèn khóc òa.

Chủ ngục thấy vậy liền hỏi: Thầy là người tu hành, sao mà sợ chết đến nỗi khóc như con nít vậy?

Thầy Tỳ kheo đáp:

- Tôi chẳng phải sợ chết mà khóc, vì sợ mất sự lợi ích cả một đời người của tôi, nên mới ai bi như thế?

- Sự lợi ích làm sao, thầy bày tỏ cho tôi nghe thử?

- Số là tôi mới xuất gia, chưa chứng đặng đạo quả. Tôi nghĩ lại thân người khó đặng, Phật pháp khó gặp, nay rủi sa vào chỗ ác địa này, thế nào cũng phải hủy mạng, thì còn đâu mà tu học nữa nên tôi mới khóc, chứ tôi đâu có sợ chết.

Thầy Tỳ kheo nói rồi, mới khẩn cầu với chủ ngục xin dung thứ cho thầy sống sót trong bảy ngày, rồi sẽ hành hình chẳng muộn.

Chủ ngục thấy người tu, thì cũng động tâm, nên y theo lời của thầy xin mà đình lại bảy ngày mới toan hạ thủ.

Ngày đầu, thầy Tỳ kheo nhìn thấy cách hành phạt rất độc ác, nào là người phụ nữ thân hình tốt đẹp mà bị bỏ vào cối quết người thì xương tan thịt nát, xem rất ghê sợ; nào là bọn ca nhi nhan sắc tuyệt vời mà cũng bị quăng vào lò lửa, đưa thì rút tay co cổ, đưa thì hả miệng nhả răng.

Thầy Tỳ kheo thấy cảnh tượng ấy thì sanh lòng nhàm chán, mới nhớ **lời Phật dạy rằng: “Sắc lịch dụn dườn như bọt nhúm, dung y đẹp đẽ mà đâu còn hoài”**. Nhờ chỗ dẫn chứng lời của Phật dạy đó mà thầy tỏ ngộ, dứt hết các điều tạp nhiễm, liền chứng đặng quả A La Hán...

Đến ngày thứ tám, ngục tốt bèn bắt thầy đem bỏ vào chảo dầu, rồi chất củi mà đốt. Song khi lửa hạ và củi thành tro mà dầu trong chảo vẫn tự nhiên không nóng.

Chủ ngục thấy vậy nổi giận, đánh đập bọn ngục tốt, rồi hối đem củi cho nhiều và chụm thêm vào mãi mãi, nhưng đến khi xem lại trong chảo dầu thì thấy thầy Tỳ kheo ngồi kiết già trên hoa sen, xem bộ tự nhiên chẳng hề lay động

chút nào cả. Chủ ngục hoảng kinh, lật đật đến tâu tỵ sự cho vua A Dục rõ.

Vua tánh nóng như lửa, khi nghe tin ấy liền tức tốc đi thẳng đến vườn Ái lạc.

Vua vào đến nơi, thì thấy thầy Tỳ kheo hiện thân lên hư không, biến đủ 18 phép thần thông, trên mình thì nước tràn lên lóng, phía dưới thì lửa cháy rần rần, ví như một hòn núi lớn ở giữa không gian vậy.

Vua A Dục đứng nhìn sửng sốt một hồi, rồi tự nghĩ: “Mình với thầy Tỳ kheo này cũng đồng là loài người, cơ sao thầy lại đặng phép thần thông tự tại như thế, còn mình thì lo việc sát hại nhân dân, làm việc đại ác!”.

Vua nghĩ như thế nên vội vàng quỳ xuống bạch với vị Tỳ kheo ấy rằng: “Ngửa mong Thánh giả chiếu cố đến tôi, xin hạ xuống nơi đây, tôi nguyện từ rày về sau bỏ dữ làm lành mà quy y với Ngài”.

Thầy Tỳ kheo đáp:

- “Hay thay! Hay thay! Nay đại vương đã tự hối mà quy đầu Tam bảo, thì sẽ đặng phước đức vô cùng và hân hạnh cho dân chúng biết bao”.

Thầy Tỳ kheo nói xong, liền dùng thần lực của mình mà trở về tịnh xá.

Khi vua A Dục đã quy y theo Phật rồi, thì trong lòng hân hoan vô cùng, định sửa soạn trở về cung. Bỗng người chủ ngục đến tâu: “Khi Đại vương lập ra cảnh “Nhân gian địa ngục” này, có ra lệnh hễ ai vào đây thì không cho ra. Tôi đã thọ mạng rồi, nên không dám cãi. Còn Đại vương là bậc thiên tử cũng phải nhất ngôn mới được”.

Nghe chủ ngục nói như thế, vua A Dục mới hỏi: “Cứ theo lời của nhà người nói đó, thì bây giờ nhà người muốn giết ta hay sao?”

Chủ ngục đáp: “Quả như lời của Đại Vương đó, thì mới đúng với quân lệnh”.

Vua A Dục liền hỏi lại chủ ngục: “Vậy khi ban sơ tạo vườn Ái lạc này, nhà người với quả nhân ai vào đây trước?”

Chủ ngục thưa: “Tâu Đại vương! Tôi vào đây trước”.

Vua nghe đáp như vậy, tức thì truyền cho ngục tốt áp lại bắt chủ ngục bỏ vào chảo dầu, đồng thời ra lệnh phóng hỏa đốt hết cả vườn Ái lạc.

Từ đấy về sau, vua bỏ hẳn các điều dữ mà làm những việc lành, và tâm tánh hết sức từ bi nên kể thời nhưn đồng ca tụng là Đạt Ma A Dục Vương (ông vua hiền lành).

Sau lại nhờ đức Ưu Ba Cúc Đa (Tổ thứ tư) giáo hóa thêm, nên vua càng tín ngưỡng Phật pháp hơn nữa, chính vua đã phái 256 vị Cao tăng đi khắp trong xứ để truyền bá Phật giáo...

THIỆN DỤNG

(Trích trong "Truyện cổ Phật giáo" tập 1)



TIẾNG NÓI TRI ÂM

Lê Anh Dũng

Bá Nha nước Tống chơi đàn tuyệt giỏi, thường phàn nàn thiên hạ không ai thưởng thức được tiếng đàn của ông. Một lần đi sứ nước Sở, trở về đến sông Hàm Dương, trăng thanh gió mát hữu tình, Bá Nha cho quân ghé thuyền vào bờ, đem đàn ra khảy. Nửa chừng đàn đứt dây. Đoán có người rình nghe trộm, Bá Nha sai quân lính lên bờ lục soát, bắt được người đốn củi là Tử Kỳ.

Tử Kỳ thanh minh rằng ông không phải quân bắt lương, chỉ tình cờ nghe tiếng đàn quá hay nên dừng chân thưởng thức. Bá Nha hỏi: Hồi nãy ta đàn bản gì? Tử Kỳ đáp: Thưa quan, là bản Khống tử khóc Nhan Hối.

Bá Nha giật mình, trân trọng mời Tử Kỳ xuống thuyền. Nấn nhím so dây, Bá Nha vừa đàn vừa nghĩ tới cảnh non cao. Tử Kỳ tấm tắc: Tiếng đàn ngài cao vút, tâm chí ngài vui vợi tại núi cao (*Nga nga hồ chí tại cao sơn*). Khi Bá Nha chuyển ý, nghĩ đến cảnh nước chảy. Tử Kỳ tán thán: Tâm chí ngài cuộn cuộn như nước chảy (*Dương dương hồ chí tại lưu thủy*).

Bá Nha vô cùng sung sướng, bởi vì Tử Kỳ chỉ cần nghe tiếng đàn mà biết rõ tâm chí của mình. Không nệ kể là quan thượng đại phu, người chỉ là ông tiều kiếm củi, Bá Nha kết bạn với Tử Kỳ. Do tích này, hai tiếng *tri âm* được dùng để nói về những người hiểu thấu bụng dạ nhau, dù có thể chưa biết mặt, chưa quen nhau.

Giả Đảo (788-843) đời Đường khổ công làm thơ, trong ba năm được hai câu tâm đắc, rồi không khỏi cảm khái:

*Nhị cú tam niên đắc,
Nhất ngâm song lệ lưu.
Tri âm như bất thường,
Quy ngọc cố sơn thu.*

Lê Anh Dũng dịch:

*Ba năm làm được hai câu,
Một lần ngâm để rơi châu đôi hàng.
Tri âm như chẳng hiểu chàng,
Quay về núi cũ nằm tràn với thu.*

Người bình dân cũng thêm có bạn tri âm. Ca dao Việt Nam có câu:

*Mông mênh góc biển chân trời,
Biết trong thiên hạ ai người tri âm?*

Như vậy, điểm phúc to lớn là có tri âm. Thiếu tri âm là một thiệt thòi, trống vắng không gì bù đắp.

Từ khi ra đời tới nay, qua ba phần tư thế kỷ, có một điều hy hữu thế gian là tình tri âm không hề thiếu vắng trong đạo Cao Đài. Người tín đồ mặn mà với Đạo đều cảm nhận rất rõ rằng tâm hồn mình hầu như luôn luôn được nhuần gội một tình tri âm thiêng liêng bằng bạc mà sâu sắc.

Mắt phàm không thấy được hình bóng các đấng Thiêng liêng qua ngọn linh cơ; chỉ có lời thanh cao giọng bổng trầm truyền ra từ phương tiện trung gian là đồng tử. Vậy cơ sao nghe thấu tâm can, nghe lòng rưng rưng xúc động.

Khi những âm thanh ấy được tái hiện bằng nét chữ trên trang giấy, người đọc thánh giáo thánh ngôn tuy vẫn không nhìn thấy bóng dáng Ôn Trên, mà cơ sao rất dễ chạnh lòng, để cho nét chữ bỗng nhuốm theo làn nước mắt.

Trước đây 25, 26 năm, có kẻ thanh niên chưa biết đạo Cao Đài là gì, tánh ham văn chương, mê đọc sách. Thấy vậy, một người bạn cùng trường bèn cho mượn quyển **Đại thừa chơn giáo**. Đó là nhân duyên khiến cho kẻ ấy môn men tiếp cận với đạo Cao Đài.

Kẻ ấy đọc say mê, được hơn 20 trang thì tới đoạn đức Cao Đài dạy:

“Nên hội Tam giáo Công đồng, Thầy lập tờ đoàn thể, đem Đạo mẫu phổ hóa, độ tất cả đám quần sanh.

“Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.”

Tuy chưa biết ông Cao Đài là ai, tự đứng đọc tới đó thì cả người hấn nổi gai ốc, nước mắt tuôn trào mà không làm sao giải thích được lý do. Và cũng kể từ buổi đó, dù chưa nhập môn và cũng chưa hề đặt chân tới bất kỳ một thánh thất nào, trong thâm tâm hấn đã tự coi mình là môn đệ Cao Đài rồi.

Những trải nghiệm tương tự như thế chắc chắn không lạ gì với người tín đồ Cao Đài. Đó cũng là một tình cảm thiêng liêng, đến nhẹ nhàng tự nhiên, âm thầm kín đáo, mà chứa chan và thấm thía biết bao nhiêu!

Đạo sử xây bàn của Nữ đầu sư Hương Hiếu chép thánh giáo ngày 23.10 Bính dần (27.11.1926). Bấy giờ tiền bối Nguyễn Ngọc Thơ đang lo làm thánh tượng Thiên nhân. Đức Cao Đài dạy: *“Thơ! Con làm thánh tượng vậy dặng, con phải tính thể in cho nhiều một lần thì giá rẻ chút ít nghe.”*

Không rõ tiền bối Nguyễn Ngọc Thơ bực bạch điều chi mà đức Cao Đài dạy tiếp rằng: *“Dặng con. Thầy biết một điều là trong hàng em út các con đều là phần nghèo; một đồng nó đỡ một đồng nghe con.”*

Chuẩn bị cất Tòa thánh Tây Ninh, tại chùa Gò Kén ngày 27.01 Đinh Mão (28.02.1927), đức Lý Giáo tông vẽ họa đồ thiết kế một kiến trúc hết sức to tát, cho thật tương xứng với tầm cỡ của đạo Cao Đài trong tương lai xa như thiên cơ đã định. Chỉ riêng cái nền mà đã “cao từ đất lên thêm 9 thước Lang Sa”. Một đàn cơ sau đó đức Cao Đài dạy tiên bối Nguyễn Ngọc Thơ rằng: “*Thầy chẳng dành. Chẳng như tốn kém nhiều, các con coi theo họa đồ tính làm theo thước mộc [1], nghe à.*”

Dù thế, ngày 07.02 Đinh Mão (08.3.1927), tại chùa Gò Kén, tiên bối Nguyễn Ngọc Thơ vẫn xin đắp nền Tòa thánh cao 9 mét, thì Thầy dạy: “*Tốn kém nhiều lắm con ơi!*”

Sau đó, đức Lý Giáo tông về dạy: “*Cười... Họa đồ của Lão, Chí tôn chê và trách rằng hao phí vô nền nặng lắm. Chí tôn sửa lại...*”

Đọc sử đến đây mà thương. Một ông Trời làm Chúa tế cai quản khắp vũ trụ cần khôn nhưng vẫn lo lắng nêu gương tiết kiệm cho môn đệ. Tiết kiệm đến từng đồng. Và hiểu ra, khi đức Cao Đài dạy *Thầy là cơ thể của thương yêu* thì đó không hề là lời nói trừu tượng, hoa mỹ.

Người hành đạo biết nhớ học gương tiết kiệm của Thầy thì có thể rắn lòng, có thể tỉnh táo tránh xa mọi hà lạm tiền bạc của nhơn sanh...

Trở lại với sự cảm thụ thánh giáo. Người tín đồ có thể nhận biết rõ tình thương yêu của các đấng Thiêng liêng mỗi khi lòng rưng rưng theo dòng thánh giáo.

Tại sao thế? Phải chăng vì có một mối tri âm tương thông nối kết, nên mọi phân cách giữa hai cõi sắc tướng và vô vi đều được nhiệm mầu hóa giải? Đức Cao Triều Phát dạy (1967):

*Hiển u tuy có cách nhau xa,
Tình nghĩa thiêng liêng vẫn mặn mà.
Trách nhiệm điểm tô nền Đại đạo,
Cũng đồng con quý của Trời Cha.*

Lời dạy này cho hiểu thêm ý nghĩa hai chữ *đạo mạch*. Huyết mạch liên kết những người cùng một dòng tộc với nhau. Đạo mạch không những liên kết tín đồ với tín đồ mà còn liên kết người trần mắt thịt với các đấng Thiêng liêng cõi thượng trong cùng sứ mạng hoằng giáo kỳ Ba.

Do đạo mạch mà tiên thánh vẫn xem kẻ phàm trần là anh em. Đức Ngô Minh Chiêu dạy (1967): “*Thật ra trước đấng Chí tôn, chúng ta tất cả là anh em.*”

Do đạo mạch mà đức Bạch Liên Tiên trưởng (Phan Thanh) đã gọi kẻ phàm trần là *cố hữu* (bạn cũ). Đức Tiên trưởng dạy (1967): “*Tuy là kẻ dương gian, người tiên cảnh, tình bạn thuở nào nay vẫn còn lưu luyến, và trách nhiệm cũng hòa đồng như nhau.*”

Có lần đức Mẹ hỏi làm sao có thể nghe được âm thanh của *cây địch không lỗ* hay âm thanh của *cây đàn không dây*. Câu hỏi giống như một công án thiền. Tùy sự tu học bản thân, mỗi người có một kiến giải khác nhau. Riêng trộm hiểu, âm thanh của cây địch không lỗ hay của cây đàn không dây là *âm thanh của vô thanh*. Không thể nghe bằng tai mà phải nghe bằng tâm. Tiếng nói của Thầy, Mẹ và các đấng Thiêng liêng qua ngọn linh cơ cũng vậy. *Chỉ có nghe và hiểu bằng tâm thì tri âm mới gặp tri âm.*

Đối với Cơ quan Phổ thông Giáo lý, thánh giáo của các Tiên bối khai Đạo là một dòng tri âm rất đặc biệt.

Thành lập đầu năm 1965, Cơ quan là bộ máy sau cùng của Đạo. Ngay mấy năm đầu tiên, các Tiên bối khai Đạo

thường xuyên trở lại cõi trần ban trao lời châu tiếng ngọc, và lúc nào cũng gieo vào lòng người sau những tâm tình rung cảm thiết tha, un đúc cho đàn em hoài bão của cả một thế hệ tiền nhân quá vãng.

Giữa các bậc Tiền khai và đàn em hậu tấn hầu như không có một khoảng cách. Một phần vì thời gian hành đạo của các ngài tính cho tới nay cũng chỉ trong vòng ba phần tư thế kỷ. Tâm tư và hành trạng các ngài lúc còn tại thế có lẽ ở một mức độ nào đó cũng không quá đổi khác biệt so với tâm tư và hành trạng lớp đàn em thời đại bây giờ.

Những khi trở lại trần gian qua ngọn linh cơ, các Tiền khai dành rất nhiều thời gian kết liên tình đạo mạch, đỡ nâng, rèn đúc tâm chí can trường thiết thạch cho lớp lớp đàn em tiếp nối. Mỗi vị một cách, mỗi vị một nét tâm tình. Hoặc nhắc sứ mạng hoàng giáo độ nhân, nhắc căn kiếp khi xưa, nhắc lời đại nguyện, nhắc đạo nghiệp sinh thời. Hoặc bày tỏ nỗi ưu tư trước sứ mạng còn dài mà biết cậy trông ai gánh vác...

Tiếp pháp Trương Văn Tràng quy thiên tháng 02.1965, thọ 73 tuổi. Sau đó trở về hội ngộ (1966), ngài tỏ lòng thông cảm với đàn em về nỗi buồn ly biệt:

*Kẻ ở người đi gấm cũng buồn,
Xót xa mỗi phận mỗi vai tuồng...*

Đức Đoàn Văn Bản bày tỏ (1967):

*Nhìn huynh đệ lòng thương và đau như cắt,
Ngó anh em rồi lệ mắt bỗng rưng rưng.
Muốn viết luôn, tay lại ngập ngừng...*

Ngài Phan Thanh rời quê hương Việt Nam sang Anh truyền đạo (1951); rồi qua Pháp phổ hóa đạo Thầy (1952), nhưng định mệnh an bài, ngài quy thiên ở Paris, dở dang chí

lớn. Mười lăm năm sau trở lại trần gian, đức Phan Thanh tỏ rõ nỗi niềm:

*Non nước xa vời cảnh Á Âu.
Vì thương dân đạo mới đương đầu.
Trùng dương bao nệ dòng thương hải,
Muôn dặm sá gì cuộc bể dâu.
Chí dốc hoàng dương cơ chánh giáo,
Lòng mong quảng bá pháp siêu mầu.
Hay đâu định mệnh bao nhiêu đó,
Kẻ ở người đi cũng tủi sầu.*

Tiên thánh là các đấng không còn bị thất tình lục dục chi phối, tác động. Nên sẽ không khởi có người thối mắc khi thấy trong thánh giáo Cao Đài vẫn có chỗ dành cho những giọt lệ, cho nhớ thương, buồn tiếc, xót xa...

Thực ra, xét cho kỹ, những tình cảm ấy rất thanh cao, thánh thiện, vì đó là tình cảm gắn liền với sứ mạng kỳ Ba cứu thế.

Các Tiền khai Đại đạo, sinh thời mỗi vị một sở trường, mỗi người một địa phương hoàng giáo, tâm tư các vị có thể cũng không tránh khỏi một nỗi niềm riêng. Nhưng sau khi rũ bỏ xác phàm, từ cõi thượng trở về phàm giới, các đấng đều chung một tiếng nói, đều san sẻ chung một tấm lòng. Trong đó, có nỗi luyến tiếc phải trả bỏ xác phàm quá sớm. Sớm không phải vì so với tuổi tác, mà sớm vì đạo nghiệp dở dang.

Quy thiên (1941) ở tuổi 66, khi trở về đức Đoàn Văn Bản bày tỏ (1967):

*Buồn là buồn chưa làm nên đạo nghiệp,
Thương là thương số kiếp chẳng cho thêm...*

Quy thiên (1951) năm 71 tuổi, buổi trùng lai đức Nguyễn Ngọc Tương thổ lộ (1967):

*Thương vì nhục thể sớm tiêu tan,
Đạo nghiệp đành cam chịu dở dang...*

Quy thiên (1934) ở tuổi 59, sau tám năm liên tục hành đạo, đến lúc tái ngộ đàn em đức Thượng Trung Nhật không giấu nổi ngậm ngùi (1970):

*Gánh đạo vừa mang được nửa đường,
Éo le lại gặp phải vô thường.
Bao nhiêu chí cả chưa thành tựu,
Tiên cảnh hồng trần mãi vấn vương.*

Ngài Lê Kim Ty bình sinh mải bôn ba, dãi dầu với Đạo, từng chịu cảnh tù đày nơi rừng sâu nước độc. Quy thiên (1948) ở tuổi 57, ngài vẫn không thể vui hưởng cảnh nhàn. Đầu xuân Bính ngọc (1966), mượn ngọn linh cơ, đức Lê Kim Ty tâm tình:

*Nay về chốn tiên tòa cảnh cũ,
Tệ huynh nào vui thú chi đâu.
Nhiệm vụ xưa mấy lúc dãi dầu,
Chưa thành đạt lòng này còn luyến tiếc.*

Đạo nghiệp tiên nhân dở dang không phải vì người xưa thiếu kế hoạch hay chưa dốc sức dốc tài. Trái lại, đó là một lẽ huyền vi của cơ Trời máy Tạo.

Quy thiên (1959) ở tuổi 70, mười năm sau có lần trở về (1968) đức Phạm Công Tắc đã phân tỏ cho đàn em hiểu phần nào nỗi éo le đó:

*Những việc từ xưa đã sắp bày,
Nhưng chưa tiện nói để ai hay.*

*Trở trên con Tạo chia đôi ngã,
Đạo nghiệp linh đình đến nỗi này.*

Ngài dạy tiếp: "... bao nhiêu sứ mạng đã sắp bày, bao nhiêu kế hoạch đã định sẵn, chỉ chờ thời gian tuần tự tiến hành. Nhưng than ôi! Lòng người thời vậy mà thời cơ chưa được vậy! (...) Cơ đạo lúc bấy giờ luôn luôn ứng phó xoay trở với bao nhiêu áp lực từ bên ngoài đưa đến. Dầu tài cán đến bậc nào cũng không làm sao tiến hành cho kịp lúc."

Với dòng thánh giáo chỉ bày triết lý cao siêu, con đường tu tâm dưỡng tánh, phương pháp thiền định giải thoát, v.v... đạo Cao Đài có điểm chung đồng với các tôn giáo khác. Nhưng với dòng thánh giáo chổ chuyên tâm sự người xưa như dẫn trên, hầu như không một tôn giáo nào khác có được phong cách truyền đạo độc đáo, hy hữu thế này.

Thử hỏi, tại sao các Tiên bối lại nhiều phen nhọc công trở lại cõi trần để giải bày nỗi lòng? Câu trả lời có thể tìm thấy qua lời dạy của đức Thượng Trung Nhật và đức Ngọc Lịch Nguyệt (1967):

"Lời thành thật Tiên huynh nói đây để các em hiểu cho các anh, dầu được về nơi cõi thượng, nhưng cũng vẫn hành đạo trong sứ mạng của mình. Tiên huynh mong rằng lời nói hôm nay các em hãy xem là tất cả tấm lòng ưu ái của các anh đối với các em nơi cõi thượng."

Cụ Cao Triều vì tuổi già, bệnh nặng, 2 giờ chiều ngày 09.9.1956 đã quy thiên tại Hà Nội. Xác phàm cụ gửi lại miền Bắc, lúc đầu ngay tại Hà Nội, rồi dời ra tận nghĩa trang Yên Kỳ, xã Bắc Đạo (tỉnh Hà Tây). Từ đó, chơn linh của đức Cao Triều giông ruổi khắp nơi, góp sức vô vi vào sứ mạng Cao Đài. Đức Cao Triều dạy (1966):

*Thân xác gởi dậm trường quan ải,
Hồn linh còn đi lại các nơi.
Để lo xây dựng đạo Trời,
Chờ cơ hội đến chờ thời phục hưng.
Dem giáo lý phong thuần mỹ tục,
Cho muôn dân hưởng phúc thanh nhàn.
Cho người đừng tưởng trái ngang,
Đời đời đạo đạo mà toan nghĩ lầm.*

Bằng cách thổ lộ nỗi niềm như vậy, các Tiên bối khai Đạo đã gieo ý thức hành đạo cho đàn em tiếp nối. Lớp người sau mỗi năm nhìn lại đời mình, tuổi tác chồng chất, sức khoẻ hao mòn, càng gẫm suy lời các Tiên bối ắt càng lo sợ rằng bản thân mình vẫn chưa biết tận dụng hữu hiệu những ngày trần thế để hành đạo cho hiệu quả rất ráo.

Các Tiên bối ôn lại chuyện cũ, bộc bạch can tràng đều nhằm định hướng cho đàn em trên đường hoằng giáo, trong đó có cả phần giúp đàn em rút tủa kinh nghiệm của những người đi trước. Đức Cao Triều Trực dạy (1970):

“Trong tình bạn đạo, gặp lại nhau, không thể không ôn lại những gì diễn tiến từ dĩ vãng đến hiện tại, những nỗi buồn vui bại thành trên bước đường hành đạo, để giúp đỡ cho nhau những kinh nghiệm sống. Ấu đó cũng là bổn phận của người đi trước. Có chỉ bảo cho nhau để lớp người sau biết những gì cần phải tránh, để làm vốn liếng thực hiện đại chí của bậc hướng đạo, làm sao cho đúng với tôn chỉ khai đạo mà đức Chí tôn đã định, để hoàn thành sứ mạng thế Thiên hành hóa và cũng để khỏi ân hận nuối tiếc như lớp người đã đi qua trong quá khứ.”

Nhớ lại những năm 20 của thế kỷ 20. Việc các Tiên khai tuân theo lời dạy của đức Chí tôn qua huyền cơ diệu

bút là một sự kiện rất hy hữu. Như ngài Ngô Văn Chiêu, đang còn trong chốn quan trường, đang còn phải ràng buộc với các quan hệ giao tế xã hội của giới thượng lưu, thì bất ngờ mừng 1 Tết Tân Dậu (1921), đức Cao Đài Tiên ông giáng cơ dạy: *“Chiêu, tam niên trường trai.”*

Ngài Ngô vâng lời, chẳng phải chỉ ba năm mà là ăn chay luôn từ buổi đó cho đến khi quy thiên (1932). Điều gì đã khiến ngài trọn tuân theo lệnh dạy? Nếu giải thích bằng đức tin thì e rằng cũng chưa đủ.

Các ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang ngày 30 tháng 10 Ất Sửu (15.12.1925) tuân lệnh đức Cao Đài, ăn mặc áo dài khăn đóng chỉnh tề, cùng ra hết ngoài sân mà quỳ giữa chốn đông người qua lại, để vọng thiên cầu đạo. Đã thế, ông Bông Dinh còn đứng sán một bên, ngâm nga thơ phú... Một việc làm vô cùng khác thường trước mắt thế nhân, tránh sao không lôi cuốn nhiều kẻ hiếu kỳ! Năm ấy ngài Tắc, ngài Cư đang tuổi 36, 38; còn ngài Sang thì chỉ mới là một thanh niên 25 tuổi.

Người ta ai mà chẳng có lòng hổ ngươi, mắc cỡ. Vậy thì ba con người trẻ tuổi đêm hôm ấy chắc chắn cũng phải hết sức nhẫn lòng để thi hành trọn vẹn lệnh dạy của Thầy.

Nhiều năm về sau, ngày rằm tháng 8 Kỷ Sửu (1949), chính Hộ pháp Phạm Công Tắc hồi tưởng lại đêm hôm ấy, đã chân thành thổ lộ: *“... không còn biết vị kỷ nhục nhã chi hết, giữa khoảng đường nơi châu thành Sài Gòn thiên hạ tấp nập, mà đức Chí tôn buộc phải quỳ ngoài đường dựa bên lề ấy, quỳ đặng cầu nguyện xin đạo cho chúng sanh. Tội nghiệp thay, Ngài thử thách cho đến nước...”*

Việc làm của ba vị Cao, Phạm năm xưa chắc chắn cũng không thể chỉ lấy đức tin mà giải thích.

Ngài Trần Đạo Quang và các vị Thái lão sư khác của đạo Minh Sư đang ở vào vị trí trên là Tổ dưới là các ngài; thân phận là lãnh tụ tinh thần của hàng ngàn đệ tử, làm chủ nhiều cảnh chùa, vinh dự to lớn đến thế, vậy mà chỉ một ngọn cơ, chỉ một lời vô hình chỉ dạy, các ngài lãnh đạo Minh Sư lập tức bỏ hết quyền lực, ngôi vị tôn quý để trở thành tín đồ Cao Đài, chịu ngang hàng với những người có khi tuổi đời còn kém hơn các ngài, công phu tu luyện và tri thức kinh điển có lẽ cũng còn non hơn các ngài ít nhiều.

Việc làm của các ngài Thái lão sư ngày trước cũng không thể chỉ lấy đức tin mà giải thích.

Nếu đức tin không đủ giải thích, thì điều gì đã khiến cho những người có địa vị trong xã hội, có chức quyền trong tôn giáo dễ dàng gạt bỏ hết lòng tự tôn vị kỷ và sĩ diện cá nhân để tuân lời dạy vô vi qua ngọn linh cơ? Phải chăng đó là *tiếng gọi thiêng liêng từ trong tiền kiếp?*

Có lẽ là như thế. Hai vị Tiên khai là Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt phân giải (1967):

“Các em ôi! Chúng Tiên huynh đã trải qua nhiều tiền kiếp trong hai thời kỳ lập đạo, đem đạo độ đời. Đến Tam kỳ ân xá, chúng Tiên huynh cũng xuống hồng trần, phải mang xác phàm hóa độ người đời nơi đất Việt Nam. Chúng Tiên huynh đã trải qua biết bao nhiêu lúc thăng trầm bĩ thối, trở ngại khó khăn, vào khám ra tù, lưu vong đất khách, hy sinh để tiếp nhận sứ mạng lập nền Đại đạo Tam kỳ Phổ độ từ năm Bính dần cho đến ngày cõi bỏ xác phàm, rũ sạch những oan khiên nghiệp chướng.”

Các Tiên khai hé lộ cho biết các ngài chính là nguyên nhân tá thế để làm sứ mạng kỳ Ba. Các ngài là lớp tiên phong được đức Chí tôn phân công cho xuống trước để mở đường vạch lối sẵn cho đoàn người phía sau tiếp bước. Khi

tiết lộ nguyên căn của mình, các Tiên bối cũng nhân đó mà nhắc đàn em hậu tấn nhớ lại nguyên căn của mỗi người.

Năm 1966, đức Thiệu pháp Nguyễn Bửu Tài cho biết đàn em các ngài sở dĩ có duyên với đạo Cao Đài chính vì xưa kia đã có một lời nguyện với đức Chí tôn:

*Ngôi xưa em có nhớ cùng chăng,
Trước điện Linh Tiêu đã nguyện rằng;
Đi xuống trần gian y thánh chỉ,
Cứu đời dụng đạo để làm căn.*

Từ Thượng đế ra đi, nguyên căn lớp lớp bước vào trần gian. Lẽ ra cũng sẽ có lớp lớp nguyên nhân quay về với Thượng đế, như lời Thầy dạy:

*Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ,
Một ra đi, một trở lại Thầy...*

Nhưng than ôi! Đi nhiều mà về ít. Bởi vì trần gian là một trận đồ, là một mê cung thừa sức cầm chân nhiều nguyên nhân hết kiếp này sang kiếp khác.

Một tiên bối Cơ quan Phổ thông Giáo lý là đức Bảo pháp Chơn quân Huỳnh Chơn. Ngài nguyên là bông lai tiên tử, cũng nằm trong số phận éo le đó. Tới chừng trở về được cõi thiên rồi, trong một lần thăm lại đàn em, nhớ lại những kiếp người đã qua mà ngài không khỏi ngậm ngùi than thở:

*Cho hay cảnh giới hữu tình,
Men đời chuta thấm mà mình đã say. [2]*

Vì thế, bằng kinh nghiệm của người đi trước, để giúp đàn em tỉnh ngộ trước men say cõi tục, đức Thiệu pháp Nguyễn Bửu Tài vừa nhắc cho nhớ ngôi xưa vị cũ vừa cảnh tỉnh lớp người sau đừng phí uổng kiếp sống tại trần để khỏi lỡ làng đại nguyện:

*Căn bản nay còn có nhớ không?
Hay là vì bận chuyện bao đồng?
Thê nhi, sự nghiệp, cùng chung đỉnh,
Sớm tối nha môn mãi chạy rong.
Chạy rong càng lúc lại càng xa,
Quên lẫn bên lưng một kiếp già.
Sức mỗi, lực cùng còn lẫn quẩn,
Hơi tàn rồi phải đọa trầm kha.*

Mấy mươi năm trôi qua, thánh giáo của các Tiên bối ban trao có rất nhiều, có thể kết thành tập dày dặn, với biết bao thơ văn chứa chan, phong phú. Dù dạy vào thời điểm nào, dù giảng cơ ở địa phương nào, dù giảng về một chủ đề nào, thì tất cả cùng có chung một xuyên suốt là *nỗi ưu tư nặng lòng về tương lai nền Đạo*.

Các Tiên bối là người đã khai hoang, đã ươm trồng lên những thân cây cho mảnh vườn Đại đạo. Người làm vườn tuy đã trao lại cho người sau tiếp tục ươm trồng, vun tưới nhưng không phải vì thế mà coi như đã xong phần trách nhiệm của tiền nhân.

Nguyễn Công Trứ ngày xưa còn có thể mơ ước kẻ sĩ sẽ có ngày “*nợ tang bông trang trắng vỗ tay reo*”. Nhưng các Tiên bối khai Đạo dù đã trở về tiên cảnh vẫn chưa thể vỗ tay reo thanh thản.

Trước thực trạng chông chênh của nỗi đạo tình đời, đức Thượng Trung Nhật và đức Ngọc Lịch Nguyệt cùng chung lời tha thiết (1967):

“Các em ôi! Các sứ mạng đến trần gian ngày nay phải chịu trọng trách ở những danh từ chi phái, tịnh thất, nào phải đột nhiên mà có đâu. Nhưng có để cùng hút nhựa sống của thân cây hầu đơm bông trở trái; mà cây có đầy nhựa

sống để nuôi cành lá là do sự chăm sóc, vun tưới, giữ gìn của kẻ làm vườn. Hỡi các em! Ai chăm sóc? ai gìn giữ? ai vun quén? mà chúng Tiên huynh cùng các em lăm lăm cùng mang một trượng huống đau lòng.”

Những lời hỏi ai thiết tha ấy cũng là lời đức Cao Triều Phát từng hỏi:

*Tuy Tệ huynh nay đã khuất bóng,
Nhưng lòng còn xúc động tình thâm.
Thế gian bao ngõ thẳng trầm,
Cái cơ nghiệp cũ ai cầm vững cho?*

Một lần khác, Tiên bối Cao Triều cũng hỏi:

*Nghìn xưa đó, tuổi tên ai đó?
Hiện giờ đây đã có ai đây?*

*Đứng ra xây dựng đạo Thầy,
Bằng lòng hy hiến, bằng dây hòa đồng?*

Sinh thời là Bảo đạo chưởng quản Hiệp thiên đài Tòa thánh Hậu Giang, ngài Cao Triều Phát quy thiên (1956), rồi đúng mười năm sau (1966), Tiên bối trở về, tỏ lời tâm sự:

*Tệ huynh hổ phận mình Chưởng quản,
Công chưa thành chưa đáng công phu.
Còn đây sứ mạng vận trù,*

Tương lai hỏi có mịt mù hay chẳng?

Ưu tư vì tương lai nền Đạo, gửi gắm niềm tin vào vào đàn em tiếp nối, các Tiên bối khai Đạo luôn luôn dành những lời yêu thương, động viên, nâng đỡ tha thiết, chân tình. Đức Cao Triều Tiên bối dạy (1971):

“Tiên huynh đã đi qua, chiếc bóng đã nằm xuống. Nhưng tinh thần của Tiên huynh mãi mãi theo gót chân của các em mà đi vào ánh sáng đạo, vào bóng tối của trần gian.”

Là người yêu nước, nói tới sứ mạng vô cùng vẻ vang mà Thượng đế ban trao cho dân tộc được chọn, những lời dẫn dò tâm huyết của đức Cao Triều Tiên bối bao giờ cũng mang mặc tình dân tộc nghĩa nước non, gắn liền với mỗi đạo đã sinh ra từ đất nước Việt Nam (1971):

“Các em là những con người Việt, những thoi vàng được trui luyện trong lò lửa của chiến chinh, của ly loạn. Giá trị đang chờ đợi các em. Tiên huynh chỉ là một vang bóng của các em trong quá khứ, một hùng khí của các em trong tương lai. Hãy gắng lên các em! Cơ hội cứu thế kỳ Ba bỏ qua chắc không bao giờ gặp lại.”

•

Trở lại với chuyện Bá Nha, Tử Kỳ. Chia tay nhau, một năm sau Bá Nha mới có dịp trở về bến Hàm Dương thăm bạn. Than ôi, Tử Kỳ đã ra người thiên cổ! Bá Nha đau đớn tìm đến tận mộ vĩnh biệt Tử Kỳ, rồi đập vỡ cây đàn, bởi vì đã mất bạn tri âm thì còn biết đàn cho ai nghe nữa!

Ở Việt Nam, đầu thế kỷ 20, Nguyễn Khuyến cũng vậy. Bạn tri âm qua đời, ông không muốn làm thơ nữa, thở than trong bài *Khóc bạn*:

Câu thơ nghĩ đến do chẳng viết,

Viết đưa ai, ai biết mà đưa?

Lấy tình đời tri âm mà xét tình đạo tri âm. Vắng bóng tri âm, người trần gian còn tiếc lời tiếc lễ đến mức như thế, hà huống là thánh tiên, trời phật. Cho nên, càng ngẫm nghĩ lại càng giạt mình và càng vô cùng cảm kích. Bởi vì một khi Ở Trên, một khi các vị Tiên bối khai Đạo còn tiếp tục ban trao lời châu tiếng ngọc, còn tin yêu gửi gắm can tràng, khuyến nhủ thiệt hơn, ấy là các đấng còn kỳ vọng khách

trần là kẻ tri âm, là người biết lắng lòng để nghe rồi hiểu và hành theo thánh giáo.

Tri âm... Đó chính là lòng kỳ vọng của người xưa, của đức Cao Triều Tiên bối:

Nay Tệ huynh được về hội ngộ,

Gởi đôi lời chứng tỏ tri âm.

Hậu Giang một mối cơ cam,

Xin đem gởi gắm đạo tâm giữ gìn.

Cơ quan đạo trung minh chánh giáo,

Nói tiếp người gây tạo tương lai.

Cùng trong con cái Cao Đài,

Kẻ u người hiển thi tài làm nên.

Lắng nghe tiếng nói tri âm chứa chan hoài bão ấy, xin nguyện cầu cho càng ngày càng có thêm thật nhiều người con Áo trắng xứng đáng là tri âm đích thực của các đấng Thiêng liêng Tam kỳ Phổ độ.

Lê Anh Dũng

(08.4.2001)

* * *

[1] Thước mộc = 0,425 mét, chưa bằng nửa thước Lang Sa tức thước tây thông dụng hiện nay.

[2] Cơ quan Phổ thông Giáo lý, 15.6 Quý Sửu (14.7.1973).

Thánh giáo:

KẾT QUẢ CỦA SỰ BỐ-THÍ

(Huệ-Đông-Thiên 3-5 năm Đại Đạo thứ 36)

Này chư hiền đệ muội ôi! Với sự công quả, hoặc tiền của cúng dâng để tạo lập là một điều phước đức vô cùng cho những ai đã có tấm lòng hy-sinh vì Đạo, trọn dạ tưởng tin cùng Thầy, thì sự sẽ kết quả mỹ-mãn trên đường đạo-đức.

Đây Lão nhắc một việc thuở xưa, thời của Đức Thích-Ca. Khi Đức Thích-Ca cùng A-Nan một hôm đến gần thành Xá-Vệ, gặp một đám trẻ chơi với nhau cát nhà, cát kho, lấy cát làm lúa gạo. Đức Thích-Ca vừa đến, một trẻ em thấy, **phát tâm tin-tưởng Phật, nên gọi cát là cơm, đem cúng dường dâng cho Ngài một nhúm. Thích-Ca mở thần-thông thấy trẻ em ấy trọn lòng tin tưởng với căn đức lành nên bảo A-Nan rằng: Đồ-đệ cát nhúm cát này về phòng ta tô lên vách, rồi sau một trăm năm khi ta tịch diệt, thì mỗi hạt cát thành một ngôi chùa tháp.**

A-Nan ngạc nhiên bạch hỏi, thì Ngài trả lời rằng: **Sau này sẽ có vì Vua ra đời, tên A-Dục với những quan đình thần trọn lòng tin tưởng ngôi Tam-Bảo, sẽ cất tám mươi bốn ngàn ngôi chùa (84000) thờ cúng tin-tưởng xá-lợi ta. Vậy Vua A-Dục đó là kẻ cúng dường cát cho ta đó vậy, còn trong các đình thần tức là những trẻ chơi chung với em bé đó.**

Chư đệ muội có thấy chăng? Một nhúm cát với sự thành tâm thật ý tưởng tin của đứa trẻ em mà sự kết quả còn như thế, huống chi đệ muội đã bao năm trên đường Đạo, lo bồi nền công quả, tài vật giúp vừa mỗi địa-phương, thì phước đức ấy sau này hạnh hưởng ân huệ vô cùng!

THÁI-BẠCH KIM-TINH

Nếu muốn thỉnh tập sách này, xin liên lạc:

THIÊN LÝ BỬU TÒA
12695 Sycamore Ave.
San Martin, CA 95046 - USA
Tel.: (408) 683-0674
Email: TLBT@sbcglobal.net

Các bài Giáo lý đăng trong tập sách này và rất nhiều Kinh sách, Thánh ngôn, Thánh giáo khác được lưu giữ trên trang nhà (website) của Thiên-Lý Bửu-Tòa ở địa chỉ:

www.thienlybuutoa.org

FREE BOOK – NOT FOR SALE

THIÊN LÝ BỬU TÒA
12695 Sycamore Ave.
San Martin, CA 95046 – USA
Web site: www.thienlybuutoa.org

Non-Profit Org
U.S. Postage
PAID
San Jose, CA
Permit No. 3189

TO:

Thư ghi danh tham dự

**THƯ GHI DANH THAM DỰ
TUẦN LỄ TÌM VỀ MINH-TRIẾT
VÀ HỘI-NGỘ TÌNH THƯƠNG**

Kính gửi: Ban tổ chức “Tuần lễ tìm về Minh-triết và Hội-ngộ Tình thương”

Trích yếu: v/v ghi danh tham dự “Tuần lễ tìm về Minh-triết và Hội-ngộ Tình thương”

Tham chiếu: Văn thư đề ngày 15 tháng 5 năm 2004

Đáp lời mời của Quý Thánh sở, tôi (1):

Thánh danh (2): _____

Chức sắc (nếu có, xin ghi rõ phẩm vị):

Đạo trưởng _____ Niên trưởng _____ Hiền tài _____ (3)

Chức việc (4): _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail (nếu có, xin ghi rõ): _____

sẽ đến tham dự nguyên tuần _____ (5)

hoặc vào ngày _____ (5).

Nếu địa điểm tổ chức là nơi thuê mượn, tôi sẽ đóng góp số tiền ăn ở trong suốt thời gian tham dự và các phụ phí khác (nếu có).

Tuần lễ Tìm về Minh-triết và Hội-ngộ Tình thương

Tôi muốn đóng góp trong phần thuyết minh Giáo lý _____ hoặc hội luận _____ (6) với chủ đề:

Ngày _____ tháng _____ năm 2004

(Ký tên)

(1): Xin ghi rõ họ và tên theo kiểu Việt Nam.

(2): Nếu có, xin ghi rõ.

(3): Nếu là Đạo trưởng, Niên trưởng, hay Hiền tài, xin đánh dấu x vào khoảng trống kế bên.

(4): Nếu có, xin ghi rõ.

(5): Xin đánh dấu x vào khoảng trống kế bên nếu tham dự nguyên tuần hoặc ghi rõ ngày tham dự.

(6): Xin đánh dấu x vào khoảng trống kế bên.

Nếu muốn tham dự, xin gửi thư ghi danh này

trước ngày **30-7-2004** về:

THIÊN-LÝ BỬU-TÒA

12695 Sycamore Ave

San Martin, CA 95046. USA